TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng gia công, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T Th, xã Ng H, huyện Đ Dơi, tỉnh Cà Mau; (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thu D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T Th, xã Ng H, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Minh L trình bày*:

Vào ngày 24/02/2020 âm lịch, ông Nguyễn Minh L có hợp dồng nhận xây dựng nhà cho bà Lê Thu D, giá gia công nhà trước là 800.000 đồng/m^2, nhà sau là 500.000 đồng/m^2. Tổng diện tích nhà trước là ngang 7,2m x dài 10,8m = 77,76m^2 x 800.000 đồng/m^2 = 62.208.000 đồng, trước đây ông L xác định dài 10,8m, nhưng sau đó Tòa án tiến hành định giá có lập biên bản và ông xác định chính xác là 10,5m. Trong hợp đồng có ghi hai bên đầu sông xây tường lên chiều cao 1,2m dán gạch, phần còn lại làm vách tol lạnh. Tuy nhiên, quá trình làm bà D lại yêu cầu xây gạch cao lên trên tới mái nên phát sinh số tiền công này ông Đối với nhà sau, hợp đồng thỏa thuận di dời từ nhà củ lên nền nhà mới, làm phần nền, lót gạch, xây một

bếp, một toilet, tiền công là 500.000 đồng/m^2. Tuy nhiên, ông L có thỏa thuận với bà D phần bếp và toilet ông L sẽ không tính công. Quá trình di dời nhà, do bà D không tuân theo yêu cầu của anh nên giông lớn làm sập hoàn toàn nhà sau. Từ đó phát sinh tranh chấp, bà D ngưng hợp đồng nhà với ông và không hoàn trả tiền công ông đã xây dựng nhà. Đối với diện tích nhà sau anh đã làm hoàn thành là dài 4,66m x ngang 7,2m = 33,552m^2 x 500.000 đồng/m^2 = 16.776.000 đồng. Tổng hai phần nhà bà D phải trả công cho ông là 79.984.000 đồng.

Quá trình thi công nhà ông L đã ứng số tiền 36.000.000 đồng từ bà D, còn lại số tiền 43.984.000 đồng. Đây là số tiền chưa trừ khấu hao phần trăm hoàn thành ngôi nhà, nên ông L đồng ý trừ phần trăm mà ông chưa hoàn thành xong ngôi nhà theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản. Ngoài ra, ông L không yêu cầu bồi thường thiệt hại hay trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ đối với bà D.

** Quá trình giải quyết bà Lê Thu D trình bày:*

Bà D xác định giữa bà và ông L có hợp đồng xây nhà lập ngày 24/02/2020 âm lịch. Đối với tờ tường trình ngày 09/11/2020 của bà gửi qua đường bưu điện chỉ là trình bày ý kiến, bà không có yêu cầu phản tố buộc ông L bồi thường nhà sau bị sập.

Khi làm hợp đồng xây dựng nhà thì hợp đồng không ghi cụ thể bao nhiêu mét vuông chỉ ghi giá tiền nhà trước là 800.000 đồng/m^2, nhà sau là 500.000 đồng/m^2, lý do chưa ghi diện tích cụ thể vào hợp đồng vì sợ phát sinh thêm diện tích, nên khi nào làm xong diện tích bao nhiêu sẽ nhân đơn giá ra số tiền, dự định nhà trên xây ngang 6,9m, dài 7,0m nhưng khi vào thi công phát sinh ngang 7,2m, dài bao nhiêu hiện tại bà không biết, vì tới thời điểm hiện tại không có nghiệm thu, nhưng ông L nói 10,8m dài thì bà cũng đồng ý, tổng diện tích là 77,76m^2 x 800.000 đồng/m^2 = 62.208.000 đồng. Trong hợp đồng có ghi hai bên đầu sông xây tường lên chiều cao 1,2m dán gạch, phần còn lại làm vách tol lạnh. Tuy nhiên, quá trình làm bà có yêu cầu xây gạch cao thêm khoảng 1m, ông L có nói xây dùm, chỉ cho tiền cà phê cho thợ xây, đến nay chưa cho tiền cà phê cho thợ, số tiền này tầm khoảng 500.000 đồng là hợp lý. H tại nhà trước ông L cũng chưa hoàn thành như hợp đồng, phần tường vẫn chưa sơn, chưa đi đường điện, phần mái lợp tol lạnh xong chưa gia cố những chổ lổ đinh nên mưa dột vào làm hư hỏng nhà và gạch, hiện tại nhà bị dột nước mưa. Nên việc ông L cho rằng nhà đã xong 90% là không đúng, chỉ hoàn thành khoảng 60%.

Đối với căn nhà sau: Trong hợp đồng thỏa thuận di dời từ nhà củ lên nền nhà mới, làm phần nền, lót gạch, xây một bếp, một toilet, tiền công là 500.000m^2. Không có việc phần bếp và toilet ông L sẽ xây dùm mà tính công như đúng theo hợp đồng. Đối với phần nhà sau chỉ di dời nhà củ lên phần nền đã có sẵn, tuy nhiên việc khiêng lên nặng nhọc nên thống nhất tháo phần vách tol hai bên ra để khiêng, khi khiêng lên thì ông L đóng một vách nhà vào, còn một bên vách không đóng nên khi có mưa gió làm đổ sập nhà, nền nhà sau nhỏ hơn so với nhà trước về chiều ngang, nhà sau dài 7,0m, ngang 4,66m, chị xác định tiền công nhà sau là 16.310.000 đồng, khi làm thì ông L có nói làm dùm thêm phần trái nhà ngang ra cho bằng nhà trước là 7,2m, nhưng khi đem lên nhà đã sập nên ông L chưa làm kịp

phần hứa làm dùm này và cả việc xây toilet, bếp như hợp đồng đã ghi nên nhà sau ông L chỉ mới hoàn thành phần nền ngang 4,66m, dài 7,0m. Hiện tại nhà sau sập bà phải thuê nhân công xây lại, cây cột gãy phải xuất tiền ra mua, nên nhà sau ông L chỉ hoàn thành xong 5% là phần nền nhà vì toàn bộ còn lại đã sập hết. Việc làm nhà ông L chưa hoàn thành xong nên không thể tính số tiền như đã hoàn thành xong 100%. Đối với việc ứng tiền thì ông L đã ứng 59.160.000 đồng có biên nhận rõ ràng chứ không phải chỉ ứng 36.000.000 đồng. Tiền cửa thì đã tính riêng không liên quan các biên nhận ứng tiền công làm nhà như bà đã nộp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 542, 552 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh L. Buộc bà Lê Thu D trả cho ông Nguyễn Minh L tiền công làm nhà với số tiền 4.160.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu trả số tiền 23.160.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thu D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông L yêu cầu bà D trả số tiền công xây dựng nhà còn nợ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng gia công thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Giữa ông L và bà D có ký kết hợp đồng xây dựng nhà ngày 24/02/2020 âm lịch, được các bên thừa nhận, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1,2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xảy ra sự cố sập nhà sau, phía bà D chấm dứt hợp đồng với ông L nhưng chưa tất toán xong số tiền công và tiền ứng gia công nhà trước đó, giữa các bên cũng không thống nhất được phương án sửa chữa nhà bị sập nên phát sinh tranh chấp yêu cầu đến Toà án.

[3.2] Đối với nhà trước: Các bên thống nhất diện tích nhà trước ngang 7,2m, dài 10,8m. Tuy nhiên, quá trình định giá, ông L xác định lại là 10,5m, việc xác định lại này mặc dù bà D không có ý kiến nhưng có lợi cho bà D nên cần chấp nhận diện tích nhà dài là 10,5m, tổng là 7,2m x 10,5m = 75,6m^2, giá trị xây nhà là 800.000 đồng/m^2. Tuy nhiên, quá trình thi công xảy ra sự việc sập nhà sau nên các

bên ngưng hợp đồng với nhau mà không tiến hành nghiệm thu sản phẩm đã hoàn thành đến đâu và cũng không thỏa thuận việc tất toán hợp đồng như thế nào. Do đó, khi xảy ra tranh chấp các bên không thống nhất được phần trăm hoàn thành căn nhà, bà D cho rằng ông L chưa đi dường điện, tuy nhiên hợp đồng giữa các bên không thỏa thuận vấn đề này nên không thể tính vào phần trăm mà ông L chưa hoàn thành. Căn cứ vào kết L định giá ngày 16/6/2022 của Tòa án, xác định phần trăm hoàn thành của căn nhà trước là 90%, Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả định giá cũng như yêu cầu bà D lựa chọn tổ chức thẩm định giá nhưng bà D cũng không có ý kiến vấn đề này. Nên cần chấp nhận phần trăm hoàn thành của căn nhà trước là 90% là phù hợp. Ngoài ra, quá trình thi công nhà trước phát sinh thêm việc xây dựng vách tường lên cao đến mái nhà nên ông L tính công 1.000.000 đồng, việc này bà D chỉ thừa nhận bồi dưỡng công thợ số tiền 500.000 đồng, ông L không đưa ra cơ sở nào khác chứng minh nên cần chấp nhận số tiền phát sinh thêm mà bà D phải trả cho ông L là 500.000 đồng. Tổng giá trị nhà trước là 75,6m^2 x 800.000 đồng/m^2 = 60.480.000 đồng x 90% = 54.432.000 đồng + 500.000 đồng = 54.932.000 đồng.

[3.3] Đối với căn nhà sau: Các bên thống nhất tiền công xây dựng nhà sau là 500.000 đồng/m^2, diện tích nhà trước ông L xác định là ngang 7,2m, dài 4,66m; bà D cho rằng ngang chỉ 7,0m, dài 4,66m. Tuy nhiên căn cứ vào biên bản không tiến hành định giá được tài sản ngày 30/5/2022 của Tòa án, diện tích nhà sau ngang 7,2m. Đồng thời, quá trình giải quyết bà D cũng xác định phần nền nhà sau ông L đã hoàn thành xong, cũng như căn cứ vào các hình ảnh Tòa án ghi nhận được vào ngày 30/5/2022 thì phần nền nhà sau có diện tích ngang bằng với nhà trước. Do đó, cần chấp nhận diện tích nhà sau là 7,2m, tổng diện tích ngang 7,2m x dài 4,66m = 33,552m^2. Đối với phần trăm hoàn thành ngôi nhà, như đã phân tích ở trên, các đương sự không tiến hành tất toán hợp đồng nên không xác định được phần trăm hoàn thành nhà sau. Tuy nhiên, các bên thừa nhận trước khi xảy ra sự cố sập nhà thì ông L đã làm xong phần nền, khênh khung nhà sau lên và đã gắn xong một bên vách nhà. Bà D cho rằng sự việc xảy ra nhà sập là do ông L gia cố nhà không chắc chắn, ông L cho rằng bà D không đồng ý làm theo yêu cầu gia cố nhà của ông nên dẫn đến lốc xoáy làm sập nhà. Sự việc này chưa có cơ sở kết L, bà D cũng không có yêu cầu phản tố về việc bồi thường thiệt hại căn nhà theo quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét vấn đề bồi thường phần nhà sập. Tòa án đã tiến hành thông báo kết quả định giá cũng như yêu cầu bà D lựa chọn tổ chức thẩm định giá nhưng bà D cũng không có ý kiến vấn đề này. Nên cần chấp nhận phần trăm hoàn thành của căn nhà sau là 50% là phù hợp. Tổng giá trị nhà trước là 33,552m^2 x 500.000 đồng/m^2 = 16.776.000 đồng x 50% = 8.388.000 đồng.

[3.4] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Đối với các biên nhận bà D cung cấp ông L xác định đúng là chữ ký và viết tên của ông, do đó đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà D cho rằng tất cả các biên nhận đều là tiền công làm nhà, ông L xác đinh trong đó có biên nhận nhận số tiền 15.160.000 đồng đề ngày 19/5 không đề năm, biên nhận nhận 3.000.000 đồng đề ngày 30/5/2019 và biên nhận nhận 5.000.000

đồng đề ngày 12/5/2019 đều là biên nhận nhận tiền gắn cửa cho bà D, biên nhận có để nhầm 2019 là không đúng mà đúng là năm 2020. Do quá trình làm nhà ông L thỏa thuận gắn cửa cho bà D, hợp đồng không ghi phần gắn cửa, chỉ là thỏa thuận miệng giữa các bên, ông L mua đồ về tự lắp ghép gia công thành cửa và gắn cho bà D. Việc này không được bà D thừa nhận nên quay về trách nhiệm chứng minh là của ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông L không chứng minh được các biên nhận đó là tiền gắn của cho bà D nên cần chấp nhận các biên nhận đương sự cung cấp trong hồ sơ là biên nhận ứng tiền công làm nhà. Tổng số tiền ứng theo biên nhận là 59.060.000 đồng.

Từ các phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh L. Buộc bà Lê Thu D trả số tiền công gia công nhà còn nợ là 54.932.000 đồng + 8.388.000 đồng = 63.320.000 đồng – 59.160.000 đồng = 4.160.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Minh L về việc yêu cầu tiền công gia công nhà chưa nhận của ba biên nhận mà ông cho rằng là tiền gắn cửa bằng 23.160.000 đồng (15.160.000 đồng + 3.000.000 đồng + 5.000.000 đồng).

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án, án phí và chi phí tố tụng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L phải chịu án phí trên số tiền không được Toà án chấp nhận, tuy nhiên ông L có đơn xin giảm án phí nên được xét giảm 50% theo quy định pháp luật (23.160.000 đồng x 5% = 1.158.000 đồng/2 = 579.000 đồng), bà D phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 4.160.000 đồng là 300.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu trên số tiền không được chấp nhận, bị đơn phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận. Ông đã nộp tạm ứng số tiền 2.000.000 đồng (đối chiếu thanh toán xong), ông L phải chịu 1.695.400 đồng (tương ứng 84,77%), bà D phải chịu số tiền 304.600 đồng (tương ứng 15,23%). Bà D có trách nhiệm hoàn trả số tiền này lại cho ông L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1, 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 542, 543, 544, 552 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh L. Buộc bà Lê Thu D có nghĩa vụ thanh toán số tiền công đã gia công nhà là 4.160.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh L về vuệc yêu cầu bà Lê Thu D trả số tiền công đã gia công nhà là 23.160.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự:

3.1. Ông Nguyễn minh L phải chịu số tiền 579.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 550.000 đồng theo biên lai số 0011191 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D; ông L còn phải nộp tiếp số tiền 29.000 (hai mươi chín nghìn đồng); (chưa nộp).

3.2. Bà Lê Thu D phải chịu số tiền 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Về chi phí tố tụng:

4.1. Ông Nguyễn Minh L phải chịu số tiền 1.695.400 đồng (một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng); (đã đối chiếu, ông L nộp xong).

4.2. Bà Lê Thu D phải chịu số tiền 304.600 (ba trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng), bà D phải có trách nhiệm nộp số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D để hoàn trả cho ông Nguyễn Minh L (chưa nộp).

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh L có đơn yêu cầu thi hành án đối với tất cả các khoản tiền phải thi hành nêu trên, nếu bà Lê Thu D chậm thi hành đối với khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Lê Thu D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc